

# Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Mã số: 60340102

Khoa/viện đào tạo: Kinh tế

Phụ trách chương trình: TS. Đỗ Thanh Vinh

## 1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cán bộ có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học – công nghệ của đất nước. Trang bị cho học viên kiến thức chuyên môn vững vàng, có năng lực thực hành và khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và kinh tế, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

## 2. Mục tiêu cụ thể

### a. Kiến thức

a1. Đổi mới và nâng cao các kiến thức về khoa học cơ bản và chuyên ngành.

a2. Đổi mới và nâng cao trình độ chuyên môn cả về lý thuyết và lẫn ứng dụng thực tiễn phù hợp với sự phát triển khoa học kỹ thuật của thế giới và của ngành Quản trị Kinh doanh.

### b. Kỹ năng

b1. Có khả năng độc lập nghiên cứu, ứng dụng kiến thức mới vào thực tế hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cũng như các lĩnh vực có liên quan.

b2. Có khả năng phân tích, tổng hợp, rút ra nhận xét độc lập của mình về các vấn đề Kinh tế xã hội nói chung và Quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp nói riêng đặt ra.

### c. Năng lực

c1. Nắm vững và có khả năng nghiên cứu khoa học và giảng dạy đại học.

c2. Có khả năng làm việc tốt tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất và quản lý có liên quan đến ngành Quản trị Kinh doanh, hoặc có thể làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

## 3. Đối tượng tuyển sinh

### a. Điều kiện về văn bằng và thâm niên công tác chuyên môn

| TT | Ngành đào tạo  | Hình thức đào tạo                              | Loại tốt nghiệp | Bổ sung kiến thức | Thâm niên công tác |
|----|--|--|-----------------|-------------------|--------------------|
| 1. | <b>Ngành đúng</b>  | Chính quy,<br>Vừa học<br>vừa làm<br>(Tại chức) | Trung<br>bình   | không             | 0                  |
|    | (1) Quản trị kinh doanh  |  |                 |                   |                    |
| 2. | <b>Ngành phù hợp</b>   | Chính quy,<br>Vừa học<br>vừa làm<br>(Tại chức) | Trung<br>bình   | Có                | 0                  |
|    | (1) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành<br>(Quản trị du lịch)<br>(2) Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn<br>nhà hàng)<br>(3) Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống<br>(4) Kinh doanh thương mại (Kinh tế<br>thương mại)<br>(5) Marketing<br>(6) Kinh doanh quốc tế (quản trị kinh<br>doanh quốc tế)<br>(7) Kinh doanh nông nghiệp<br>(8) Quản lý công nghiệp |  |                 |                   |                    |
| 3. | <b>Ngành gần</b>   | Chính quy,<br>Vừa học                          | Trung<br>bình   | Có                | 0                  |
|    | (1) Kinh tế (Kinh tế phát triển), Kinh tế  |  |                 |                   |                    |

|    |   |                       |            |    |   |
|----|---|-----------------------|------------|----|---|
|    | nông nghiệp (Kinh tế thủy sản), Kinh tế vận tải, Kinh tế xây dựng, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế quốc tế, Luật kinh tế, ...<br>(2) Tài chính – Ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công), Kế toán (Kế toán danh nghiệp, Kế toán hành chính sự nghiệp), Kiểm toán, ..<br>(3) Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý | vừa làm<br>(Tại chức) |            |    |   |
| 4. | <b>Trái ngành</b><br>(1) Các ngành thuộc khối kỹ thuật, công nghệ thông tin<br>(2) Các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn   | Chính quy             | Trung bình | Có | 2 |

#### b. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

| TT | Mã học phần | Tên học phần       | Số tín chỉ |
|----|-------------|--------------------|------------|
| 1. | 75292       | Kinh tế vi mô      | 2(2-0)     |
| 2. | 75293       | Kinh tế vĩ mô      | 2(2-0)     |
| 3. | 75286       | Kinh tế lượng      | 2(2-0)     |
| 4. | 75547       | Quản trị học       | 2(2-0)     |
| 5. | 75393       | Marketing căn bản  | 2(2-0)     |
| 6. | 75570       | Quản trị tài chính | 2(2-0)     |

#### 4. Cấu trúc chương trình

| TT | Nội dung  | Số học phần         | Số tín chỉ            |
|----|---|---------------------|-----------------------|
| 1. | Phần kiến thức chung  | <b>2</b>            | <b>5</b>              |
| 2. | Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành<br>- Các học phần bắt buộc<br>- Các học phần tự chọn | <b>13</b><br>6<br>7 | <b>26</b><br>12<br>14 |
| 3. | Luận văn thạc sĩ  | -                   | <b>15</b>             |
|    | <b>Tổng</b>   | <b>15</b>           | <b>46</b>             |

#### 5. Nội dung chương trình

| Mã học phần                                    | Tên học phần   | Số tín chỉ | Giảng viên  |
|--|--|------------|---|
| <b>1. Phần kiến thức chung</b>                 |  | <b>4</b>   |   |
| POS501   | Triết học / <i>Philosophy</i>                                      | 3(3-0)     | TS. Nguyễn Trọng Thóc<br>ThS. Nguyễn Tiến Hóa                         |
| GS501  | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học / <i>Research Methodology</i> | 2(2-0)     | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh<br>TS. Quách Khánh Ngọc<br>TS. Lê Kim Long |
| <b>2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b> |  | <b>26</b>  |   |
| <b>2.1. Các học phần bắt buộc</b>              |  | <b>12</b>  |   |
| EC501  | Kinh tế vi mô / <i>Microeconomics</i>                              | 2(2-0)     | TS. Lê Kim Long<br>TS. Phạm Hồng Mạnh                                 |
| EC502  | Kinh tế vĩ mô / <i>Macroeconomics</i>                              | 2(2-0)     | TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>TS. Hồ Huy Tụ                              |
| AF511  | Quản trị tài chính / <i>Financial Management</i>                   | 2(2-0)     | TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Phan Thị Dung                              |

|  |   |           |   |
|--|---|-----------|---|
|  |   |           | TS. Võ Văn Cần<br>NCS. Chu Thị Lê Dung  |
| EC532  | Quản trị chiến lược / <i>Strategic Management</i>   | 2(2-0)    | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh<br>TS. Lê Kim Long                                   |
| EC533  | Quản trị nguồn nhân lực / <i>Human Resource Management</i>  | 2(2-0)    | TS. Đỗ Thị Thanh Vinh<br>PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh<br>NCS. Phan Xuân Hương     |
| EC531  | Phương pháp nghiên cứu kinh tế và kinh doanh / <i>Economics and Business Research Methodology</i> | 2(2-0)    | TS. Nguyễn Văn Ngọc<br>TS. Hồ Huy Tụ<br>TS. Phạm Hồng Mạnh                      |
| <b>2.2. Các học phần tự chọn (7 trong 12 học phần)</b> |   | <b>14</b> |   |
| EC503  | Kinh tế lượng / <i>Econometrics</i>   | 2(2-0)    | TS. Lê Kim Long<br>TS. Hồ Huy Tụ<br>TS. Phạm Thành Thái<br>NCS. Nguyễn Thu Thủy |
| EC523  | Luật thương mại quốc tế / <i>International Trade Laws</i>   | 2(2-0)    | TS. Nguyễn Thị Trâm Anh<br>TS. Phạm Thị Thanh Thủy                              |
| EC534  | Quản trị Marketing / <i>Marketing Management</i>  | 2(2-0)    | TS. Hồ Huy Tụ<br>TS. Lê Thế Giới<br>TS. Phạm Thành Thái                         |
| EC535  | Quản trị sản xuất / <i>Production Management</i>  | 2(2-0)    | TS. Quách Khánh Ngọc<br>TS. Nguyễn Văn Ngọc<br>PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh       |
| EC537  | Quản trị kinh doanh quốc tế / <i>International Business Management</i>                            | 2(2-0)    | TS. Đỗ Thị Thanh Vinh<br>TS. Nguyễn Thị Trâm Anh                                |
| EC538  | Nghiên cứu Marketing / <i>Marketing Research</i>  | 2(2-0)    | TS. Nguyễn Văn Ngọc<br>TS. Hồ Huy Tụ<br>TS. Nguyễn Tiến Thông                   |
| EC539  | Nghệ thuật lãnh đạo / <i>Leadership</i>   | 2(2-0)    | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh<br>TS. Quách Khánh Ngọc                              |
| EC540  | Hành vi tổ chức / <i>Organizational Behavior</i>  | 2(2-0)    | TS. Quách Khánh Ngọc<br>TS. Lê Kim Long   |
| EC542  | Quản trị chuỗi cung ứng / <i>Supply Chain Management</i>  | 2(2-0)    | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh<br>TS. Nguyễn Thị Trâm Anh                           |
| AF501  | Kế toán quản trị cho quyết định / <i>Managerial Accounting for Decision Making</i>                | 2(2-0)    | TS. Phan Thị Dung<br>NCS. Nguyễn Thành Cường<br>NCS. Võ Thùy Trang              |
| AF512  | Phân tích và đánh giá dự án / <i>Analysis and Approved Investment Project</i>                     | 2(2-0)    | TS. Nguyễn Thị Hiền<br>TS. Phạm Thị Thanh Thủy                                  |
| AF513  | Tài chính quốc tế / <i>International Finance</i>  | 2(2-0)    | TS. Phan Bích Nguyệt<br>TS. Võ Văn Cần<br>NCS. Chu Lê Dung                      |
| <b>3. Luận văn thạc sĩ</b>                             |   | <b>15</b> |   |
| BUA600   | Luận văn thạc sĩ  | 15        | Người hướng dẫn   |

## 6. Mô tả các học phần

### POS501 Triết học

3(3-0)

Học phần khái quát về: Triết học là gì? Triết học phương Đông và triết học phương Tây; Sự ra đời của triết học Mác-Lênin; Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay; Mọi quan hệ

giữa khoa học với triết học; Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học; Ý thức khoa học; Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội; Khoa học công nghệ ở Việt Nam.

**GS501 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2(2-0)**

Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, từ việc lựa chọn và đặt tên đề tài, lập kế hoạch nghiên cứu, phân tích và đánh giá kết quả nghiên cứu, quy hoạch thực nghiệm, tổ chức thực hiện cho đến cách viết, trình bày luận văn khoa học.

**EC501 Kinh tế vi mô 2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về: (i) các khái niệm và công cụ trong phân tích kinh tế vi mô; (ii) các mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế thị trường như người tiêu dùng và nhà sản xuất trên các thị trường; (iii) can thiệp của chính phủ để khắc phục các thất bại của thị trường, (iv) ứng dụng lý thuyết trò chơi vào chiến lược cạnh tranh.

**EC502 Kinh tế vĩ mô 2(2-0)**

Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, thâm hụt ngân sách, thâm hụt tài khoản vãng lai, sự dao động trong lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách cho sự ổn định và tăng trưởng kinh tế.

**AF511 Quản trị tài chính 2(2-0)**

Cung cấp cho người học kỹ năng và kiến thức nâng cao về tài chính và quản trị tài chính bao gồm phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, quyết định đầu tư, cấu trúc vốn và chính sách cổ tức, quản trị tài sản ngắn hạn ...

**EC531 Phương pháp nghiên cứu kinh tế và kinh doanh 2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh. Nội dung chính của học phần bao gồm: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học; Hình thành đề tài và thiết kế nghiên cứu; Cách thức chọn mẫu và phương pháp thu thập số liệu; Phương pháp xử lý dữ liệu; Trích dẫn và tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học; Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

**EC532 Quản trị chiến lược 2(2-0)**

Học phần trang bị cho học viên các ngành kinh tế và quản trị kinh doanh kiến thức nâng cao về quản trị chiến lược; và sử dụng thành thạo các phương pháp, công cụ để đánh giá môi trường kinh doanh, xác định mục tiêu, lĩnh vực kinh doanh, phân tích, lựa chọn, tổ chức thực hiện cũng như đánh giá việc thực hiện chiến lược trong doanh nghiệp.

**EC533 Quản trị nguồn nhân lực 2(2-0)**

Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về quản trị dòng nhân lực của các công ty, các tổ chức. Học phần cũng cung cấp những kỹ năng về thu hút và sử dụng nhân lực, về đánh giá năng lực làm việc của nhân sự trong tổ chức. Việc nhận diện những nguy cơ xung đột trong tổ chức do sự thay đổi của phong cách sống, do sự hội nhập của văn hóa quốc tế sẽ giúp cho họ có nhận thức đúng đắn khi hoạch định chiến lược thu hút và sử dụng nguồn nhân lực cũng như khai thác có hiệu quả thị trường lao động trong và ngoài nước.

**EC503 Kinh tế lượng 2(2-0)**

Trong học phần này, chúng ta sẽ nghiên cứu cách thức mà các nhà kinh tế và quản trị sử dụng các mô hình, dữ liệu và phương pháp phân tích để mô tả thế giới thực và đóng góp cho những thảo luận, gợi ý về chính sách. Các kỹ thuật kinh tế lượng cho phép chúng ta kiểm định gợi ý của lý thuyết kinh tế và quản trị. Học phần này giới thiệu: (i) phương pháp chuẩn mực nhằm ước lượng các quan hệ giữa những biến được quan sát và để kiểm định các giả thuyết về các quan hệ đó, (ii) lựa chọn dạng hàm ước lượng phù hợp với dữ liệu, (iii) các vấn đề nảy sinh trong việc ước lượng một mô hình khi các giả thuyết của mô hình cổ điển bị vi phạm và các phương pháp khắc phục, (iv) các ví dụ nghiên cứu thực tiễn.

**EC523 Luật thương mại quốc tế 2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế, các biện pháp khắc phục thương mại, cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của WTO, cơ sở pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế, hiệu lực, ký kết và điều chỉnh hợp đồng, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế.



Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về lập, phân tích và thẩm định dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư với mục tiêu sinh lời. Cụ thể là nội dung của dự án, quy trình lập dự án, phân tích và đánh giá tài chính của dự án theo quan điểm dòng tiền. Học viên thực hành phân tích đánh giá các dự án của các doanh nghiệp.

**AF513**

**Tài chính quốc tế**

**2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về thị trường tài chính quốc tế, các thị trường tiền tệ giao ngay, giao sau, có kỳ hạn và thị trường các quyền chọn tiền tệ thế giới; mối liên hệ giữa tỷ giá hối đoái với lãi suất (IRP), giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá thông qua lý thuyết ngang giá sức mua PPP và hiệu ứng Fisher quốc tế IFE; tài trợ và đầu tư quốc tế ngắn hạn, dài hạn.

